

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-02-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình- Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh T; nơi cư trú: Tổ dân phố., Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H; ĐKKHKT: Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, hiện đang chấp hành án tại phân trại 1, Trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Phạm Minh T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh ở Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hai bên

thường xuyên va chạm bất hòa, không thể nói chuyện được với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bản thân anh đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn càng căng thẳng hơn. Đến năm 2018 chị H vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện chị H đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên không thể chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có 01 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009. Do hiện tại chị H không có khả năng nuôi con nên anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung anh và c H tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Trần Thị H không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Minh T kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có hạnh phúc, sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau chị đã cố gắng khắc phục nhưng không được. Đến năm 2018 chị vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện chị đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, Hải phòng. Nay anh T xin ly hôn, chị cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T ly hôn vì vợ chồng đã không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Minh T có một con chung Phạm Minh T sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn, gia đình anh T không được ngăn cản quyền thăm nuôi, chăm sóc về phía gia đình chị. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T tự giải quyết với nhau.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Minh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Phạm Minh T được ly hôn chị Trần Thị H. Về con chung: Giao con chung Phạm Minh T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của nguyên đơn anh Phạm Minh T và bị đơn chị Trần Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T và chị H đều có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc vợ chồng va chạm, bất hòa, không có hạnh phúc, đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Đến năm 2018 chị H vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện chị H đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ và đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn.

Căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn, nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn anh T và chị H đưa ra là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Phạm Minh T được ly hôn chị Trần Thị H.

[3] Về con chung: Anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H có một con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009. Ly hôn, anh T và chị H có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự, nguyện vọng của cháu Tâm muốn ở với anh T. Giao con chung Phạm Minh T sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về cấp

dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T được ly hôn chị Trần Thị H.
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Minh T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
4. Về án phí: Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (Biên lai thu tiền số 0004660 ngày 09 tháng 01 năm 2020). Anh Phạm Minh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Minh T và chị Trần Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND Thị trấn An Dương (Nơi ĐKKH);
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Đỗ Văn Thư

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Hưng (Nơi ĐKKH);
- Đường sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuấn Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đồng Thái, An Dương, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuấn Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

